

Bản án số: 41/2019/DS-ST

Ngày: 01 - 10 – 2019

(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Bá Bảy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lam

2. Ông Y Míp Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký TAND huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Kông Năng tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-DS ngày 26/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2019): Ông Phạm Duy C, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 15, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị A, đều có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện cho nguyên đơn theo ủy quyền:

Vào ngày 27/12/2012 bà Hoàng Thị H có cho ông Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị A vay số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có viết “giấy vay tiền” và hẹn đến ngày

30/3/2013 trả. Ngày 25/12/2014 bà Hoàng Thị H tiếp tục cho ông Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị A vay số tiền 65.000.000 đồng, hai bên có viết “giấy vay nợ” và hẹn khi nào có điều kiện sẽ trả. Tổng cộng hai lần bà H cho ông O, bà A vay số tiền là 165.000.000 đồng. Đến nay mặc dù đã nhiều lần bà H yêu cầu ông O, bà A trả cho bà H số tiền trên nhưng ông O, bà A vẫn không trả cho bà H được số tiền nào. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông O và bà A phải trả cho bà H số tiền 165.000.000 đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị A trình bày:

Công nhận vào ngày 27/12/2012 ông Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị A có vay của bà Hoàng Thị H số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có viết “giấy vay tiền” với nhau và hẹn đến ngày 30/3/2013 trả. Ngày 14/7/2014 bà Võ Thị A đã trả cho bà Hoàng Thị H được số tiền 35.000.000 đồng, hai bên có viết “giấy biên nhận” với nhau. Ngày 25/12/2014 do khi bà A trả cho bà H số tiền 35.000.000 đồng nhưng bà H không hủy “giấy vay tiền” vào ngày 27/12/2012, nên bà A có ký “giấy vay nợ” bà H số tiền 65.000.000 đồng (đây là số nợ còn lại sau khi bà A đã trả cho bà H được số tiền 35.000.000 đồng trong số nợ 100.000.000 đồng).

Năm 2016 ông Nguyễn Ngọc O trả cho bà H được số tiền 5.000.000 đồng; năm 2017 bà Võ Thị A trả cho bà H 02 lần với số tiền 23.000.000 đồng. Lần 1: (không nhớ ngày, tháng) trả số tiền 20.000.000 đồng; lần 2: Vào ngày 26/12/2017 (âm lịch) trả số tiền 3.000.000 đồng. Hai lần trả tiền này đều không viết giấy tờ nên không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án, khi trả tiền cũng không có người làm chứng. Hiện nay ông O, bà A chỉ còn nợ bà H số tiền 37.000.000 đồng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông O, bà A phải trả cho bà H số tiền 165.000.000 thì ông O, bà A không đồng ý. Bởi vì, số tiền mà ông O, bà A vay của bà H 100.000.000 đồng và đã trả được 63.000.000 đồng. Hiện nay chỉ còn nợ bà H 37.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án do nguyên đơn không thừa nhận chữ ký, chữ viết Hoàng Thị H trong “giấy biên nhận” ngày 14/7/2014 do bị đơn cung cấp là chữ ký, chữ viết của bà Hoàng Thị H và nguyên đơn có yêu cầu trưng cầu giám định, nên ngày 12/3/2019 Tòa án đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký, chữ viết Hoàng Thị H trong “giấy biên nhận” ngày 14/7/2014 do bị đơn cung cấp. Sau khi có kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, nguyên đơn không đồng ý với kết quả giám định và tiếp tục yêu cầu trưng cầu giám định lại, nên ngày 22/5/2019 Tòa án trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh giám định lại chữ ký, chữ viết Hoàng Thị H trong “giấy biên nhận” ngày 14/7/2014.

Tại kết luận giám định số 19/PC09 ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk và kết luận giám định lại số 2681/C09B ngày 05/8/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đều có kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Hoàng Thị H” dưới mục “Người nhận” trên tài liệu cần giám định “Giấy biên

nhận” đề ngày 14/7/2014 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Thị H trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phần tranh luận đại diện cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.000.000 đồng, số tiền còn lại mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 130.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa.

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại là 65.000.000 đồng (100.000.000 đồng – 35.000.000 đồng).

Bác phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn số tiền 65.000.000 đồng (130.000.000 đồng – 65.000.000 đồng).

Buộc các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cho rằng từ ngày vay tiền cho đến nay ông O, bà A vẫn chưa trả cho bà H được số tiền nào. Tuy nhiên,

trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ “giấy biên nhận” thể hiện nội dung vào ngày 14/7/2014 bị đơn đã trả cho bà H số tiền 35.000.000 đồng. Mặc dù nguyên đơn không thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng, nhưng căn cứ vào kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 19/PC09 ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk và kết luận giám định lại số 2681/C09B ngày 05/8/2019 của Phân viên khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thì có căn cứ để khẳng định vào ngày 14/7/2014 bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 35.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn khai nại, ngoài số tiền 35.000.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn nói trên thì bị đơn còn trả thêm cho nguyên đơn được số tiền 28.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nại của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai nại của bị đơn về việc đã trả thêm cho nguyên đơn số tiền 28.000.000 đồng.

2.2. Số tiền bị đơn vay của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cho rằng số tiền mà bà H cho ông O, bà A vay hai lần là 165.000.000 đồng. Còn bị đơn chỉ công nhận chỉ vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng theo “giấy vay tiền” ngày 27/12/2012. Còn đối với số tiền 65.000.000 đồng do bà A ký nhận “giấy vay nợ” ngày 25/12/2014 là không có mà đây là số tiền nợ còn lại sau khi bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 35.000.000 đồng trong số nợ 100.000.000 đồng vay ngày 27/12/2012, lý do không hủy “giấy vay tiền” ngày 27/12/2012 là do khi bị đơn trả tiền cho nguyên đơn thì nguyên đơn không mang theo giấy này và nguyên đơn nói với bị đơn sẽ hủy giấy này. Đến ngày 25/12/2014 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ còn lại 65.000.000 đồng, do khi đó bị đơn chưa có điều kiện trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn mới viết giấy vay nợ 65.000.000 đồng đối với nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung “giấy vay nợ” ngày 25/12/2014 thì tại thời điểm này không có việc nguyên đơn giao cho bị đơn số tiền 65.000.000 đồng. Bởi lẽ, theo nội dung “giấy vay nợ” ngày 25/12/2014 thể hiện “...nay gia đình tôi chưa có điều kiện trả nợ cho bà Hoàng Thị H số tiền trên, tôi hẹn đến khi nào tôi có điều kiện thì tôi Võ Thị A và Nguyễn Ngọc O sẽ trả cho bà Hoàng Thị H số tiền trên là 65.000.000 đồng”, như vậy theo nội dung được thể hiện trong “giấy vay nợ” này thì đây là khất nợ chứ không phải là vay nợ, phù hợp với lời trình bày của bị đơn. Hơn nữa, sau khi bị đơn trả cho nguyên đơn được số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 14/7/2014 trong số tiền vay 100.000.000 đồng thì bị đơn vẫn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng chưa trả cho nguyên đơn, mà đến ngày 25/12/2014 nguyên đơn lại tiếp tục cho bị đơn vay tiếp số tiền 65.000.000 đồng là

không phù hợp với diễn biến khách quan. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời khai nại của nguyên đơn là đã cho bị đơn vay hai lần tổng số tiền 165.000.000 đồng, mà chỉ có căn cứ chấp nhận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 27/12/2012.

2.3. Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.000.000 đồng, theo đó chỉ yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc đại diện cho nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và đúng pháp luật, nên chấp nhận.

2.4. Từ những phân tích và nhận định trên: Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 65.000.000 đồng.

[3]. Về chi phí giám định: Tổng số tiền chi phí giám định và giám định lại chữ ký, chữ viết là 4.800.000 đồng. Do yêu cầu giám định và giám định lại chữ ký, chữ viết của nguyên đơn không có căn cứ, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định và giám định lại. Công nhận nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định và giám định lại số tiền 4.800.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo đó số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà bị đơn phải chịu là: $65.000.000 \times 5\% = 3.250.000$ đồng.

Ông Nguyễn Ngọc O thuộc trường hợp được miễn nộp án phí (là người cao tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 và có đơn xin miễn nộp án phí nên ông O được miễn nộp án phí.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, theo đó số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà nguyên đơn phải chịu là: $65.000.000 \times 5\% = 3.250.000$ đồng, được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H

Buộc ông Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị A phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bác phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H đối với yêu cầu ông Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị A trả số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

3. Về chi phí giám định: Bà Hoàng Thị H phải chịu số tiền 4.800.000 đồng chi phí giám định và giám giám định lại chữ ký, chữ viết, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng chi phí giám định và giám định lại 4.800.000 đồng.

4. Về án phí:

Bà Võ Thị A phải nộp 1.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Hoàng Thị H phải nộp 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 4.125.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số AA/2017/0010292 ngày 22/10/2018. Số tiền còn lại 875.000 đồng sau khi đã khấu trừ hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị H.

Ông Nguyễn Ngọc O được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (thuộc trường hợp người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THA dân sự huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Bá Bẩy

